

Bản án số: **14/2021/DS-ST**

Ngày: 29 – 01- 2021.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Tuấn Khanh

Ông Đặng Hoàng Mích

- Thư ký phiên Tòa: Ông Bùi Thái Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh BT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ, tỉnh BT tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 478/2020/TLST – DS ngày 08 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị TH**, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: Số 140/1A, khu phố 1, thị trấn BÐ, huyện BÐ, tỉnh BT.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1964 (Có mặt)

Đăng ký hộ khẩu thường trú: 126/A, khu phố 1, huyện BÐ, tỉnh BT.

Địa chỉ tạm trú: ấp MM, xã ĐHL, huyện BÐ, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 30/11/2020 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bùi Thị TH trình bày nội dung khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:*

Ngày 19/9/2016 al, bà H làm chủ dây hụi 5.000.000 đồng, hụi 29 phần, bà T tham gia chơi một phần, mỗi tháng khui hụi một lần. Ngày mở hụi lần đầu

ngày 19/9/2016 bà T bỏ hụi số tiền là 1.500.000 đồng nên là người hốt hụi đầu, số tiền hốt hụi là 97.000.000 đồng, bà đã giao đầy đủ số tiền trên cho bà T.

Sau khi hốt hụi xong thì bà T có đóng hụi chết được số tiền là 2.500.000 đồng thì không góp hụi chết cho bà cho đến khi dây hụi này kết thúc là 28 tháng sau. Bà làm chủ hụi nên bà đã đóng hụi chết thay cho bà T với tổng số tiền là 28 phần x 5.000.000 đồng = 140.000.000 đồng.

Nay bà kiện đòi bà T phải trả cho bà số tiền còn nợ hụi là 140.000.000 đồng – 2.500.000 đồng là 137.500.000 đồng. Bà không yêu cầu tính lãi.

** Tại phiên tòa bà T trình bày ý kiến như sau:*

Bà thừa nhận có tham gia chơi hụi do bà H làm chủ, hụi mệnh giá 5.000.000 đồng, hụi mở ngày 19/9/2016 al, bà hốt hụi đầu, hụi có 28 phần. Bà hốt hụi được số tiền là 97.000.000 đồng. Giấy hụi mà bà H giao nộp cho Tòa án bà thừa nhận bà có ký tên xác nhận giấy hụi này.

Sau khi hốt hụi xong thì bà có đóng hụi chết lại cho bà H được 9 lần với tổng số tiền là 45.000.000 đồng, sau đó đóng góp mỗi ngày là 100.000 đồng, đã đóng được 25.000.000 đồng thì không đóng nữa. Như vậy, tổng số tiền bà đã góp hụi cho bà H là 70.000.000 đồng, nên bà chỉ còn nợ bà H số tiền là 67.500.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi kết thúc số nợ 67.500.000 đồng.

* Tại phiên tòa, bà H không thừa nhận bà T đã góp hụi cho bà với tổng số tiền là 70.000.000 đồng như bà T nêu, xác định bà T chỉ có góp hụi chết với số tiền là 2.500.000 đồng.

**** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện BD, tỉnh BT tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:***

- Về tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo các nguyên tắc do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Theo trình bày của nguyên đơn: Vào năm 2016 bà T có nợ hụi chết do bà làm chủ ở nhiều dây với số tiền nợ là 89.000.000đ, sau đó bà T tham gia chơi hụi do bà làm chủ, hụi 5.000.000đ, khai ngày 19/9/2016 (al), tháng khai 01 lần vào ngày 19 (al) hàng tháng, hụi gồm 29 phần, bà T tham gia 01 phần, bà T hốt đầu vào ngày 19/9/2016 (al), bà T hốt được số tiền 97.000.000đ, bà đã trừ số tiền nợ tôi là 89.000.000đ thì bà T còn lại 8.000.000đ, lúc giao bà T tiền hốt hụi thì bà T có ký tên vào giấy giao hụi. Sau khi hốt hụi bà T đóng được 2.500.000đ thì ngưng không đóng hụi chết nữa.

Hiện tại hụi đã mãn, bà phải đóng thay cho bà T số tiền 137.500.000đ, nay bà yêu cầu bà T trả bà 137.500.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn trình bày: Bà thừa nhận có tham gia dây hụi như bà H trình bày, đã hốt đầu số tiền 97.000.000đ, nhưng thực tế bà không có nhận số tiền nào cả do bà H cản trừ tiền nợ 89.000.000đ. Bà có ký tên vào giấy hốt hụi, sau đó bà có đóng hụi chết cho bà H 09 lần với số tiền 45.000.000đ, sau đó đóng thêm mỗi ngày 100.000đ đóng được 25.000.000đ, nên số tiền bà đã đóng hụi chết là 14 kỳ với số tiền 70.000.000đ, nay bà chỉ nợ bà H 67.500.000đ, xin trả dần mỗi tháng 500.000đ cho đến khi hết nợ. Đối với số tiền bà đã đóng hụi chết không có giấy tờ gì, chỉ nói miệng.

Xét thấy: Bà H khởi kiện yêu cầu bà T trả bà số tiền 137.500.000đ của dây hụi khai ngày 19/9/2016 al, chứng cứ bà H cung cấp là giấy hốt hụi không ghi ngày tháng năm có chữ ký của bà T, bà T cũng thừa nhận bà có ký tên vào giấy hốt hụi, bà thừa nhận bà còn nợ bà H số tiền 137.500.000đ. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 BLTTDS. Bà T cho rằng bà nợ bà H 137.500.000đ nhưng bà đã đóng lại hụi chết cho bà H với số tiền 70.000.000đ tuy nhiên bà T lại không có chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình, vì vậy lời trình bày này là không có cơ sở. Bà T tham gia hụi, hốt hụi nhưng lại không thực hiện nghĩa vụ đóng hụi chết cho bà H, nên bà H khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền 137.500.000đ là có cơ sở, đề nghị HĐXX chấp nhận. Ghi nhận việc bà H không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền trên.

Từ những phân tích trên: đề nghị HĐXX căn cứ Điều 471 BLDS 2015, Điều 92 BLTTDS, Nghị định 144/ 2006/NĐCP ngày 27/11/2006 của CP về họ, hụi, biếu, phưởng:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H buộc bà T có nghĩa vụ trả bà H số tiền 137.500.000đ. Ghi nhận việc bà H không yêu cầu tính lãi suất số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Bà H khởi kiện yêu cầu bà T phải trả số tiền nợ hụi. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo quy định tại **khoản 3 Điều 26** của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà T có đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại ấp Bình Lộc, xã ĐHL, huyện BD, tỉnh BT. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện BD.

[3] Tại phiên tòa, bị đơn thừa nhận có tham gia chơi hụi do bà H làm chủ, hụi mệnh giá 5.000.000 đồng, đã hốt hụi đầu, thừa nhận đã ký tên vào giấy hụi do

bà H giao nộp cho Tòa án (bl 32). Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh và qua đó xác định sự thật bà T có tham gia chơi hụi do bà H làm chủ, đã hốt hụi đầu được mở ngày 19/9/2016 al.

[4] Xét lời trình bày của bà T: Cho rằng đã có góp hụi chết cho bà H được tổng số tiền là 70.000.000 đồng. Bà H không thừa nhận.

Hội đồng xét xử, xét thấy:

Tại Quyết định về việc yêu cầu giao nộp tài liệu, chứng cứ số 117/2020/QĐGNTLCC ngày 28/12/2020, bà T được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng quá thời hạn do Tòa án ấn định, bà T không có đơn gia hạn cũng không giao nộp cho Tòa án các chứng cứ để chứng minh việc đã góp hụi chết cho bà H số tiền 70.000.000 đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự bà T không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho mình đã góp hụi cho bà H số tiền là 70.000.000 đồng nên tình tiết bà T nêu ra là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Tại phiên tòa, bà H chỉ thừa nhận bà T có góp hụi chết được số tiền là 2.500.000 đồng, nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bà T đã góp hụi chết cho bà H được số tiền là 2.500.000 đồng.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của bà H đòi bà T phải trả số tiền góp hụi chết là 137.500.000 đồng . Xét thấy:

Xét chứng cứ là “ Giấy giao hụi” (bl 32) có nội dung “ Giao hụi T 28 phần” qua đó xác định được: Bà T đã hốt hụi đầu, được chủ hụi giao 28 phần hụi sống, số tiền hốt hụi là 97.000.000 đồng. Như vậy: bà T phải có nghĩa vụ góp hụi chết cho bà H tổng số là 28 lần (28 tháng) hụi chết cho đến khi kết thúc đây hụi với số tiền là 28 phần x 5.000.000 đồng = 140.000.000 đồng. Bà H thừa nhận đã nhận tiền hụi chết là 2.500.000 đồng. Như vậy: Bà T là thành viên chơi hụi, đã hốt hụi nhưng không thực hiện nghĩa vụ của thành viên là góp các phần hụi theo thỏa thuận được quy định tại Điều 13, 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 Nghị định về họ, hụi, biếu, phượng. Do đó, bà H kiện đòi bà T phải trả cho bà số tiền chưa góp hụi chết là 137.500.000 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bà T phải có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 137.500.000 đồng.

[6] Ghi nhận bà H không yêu cầu bà T phải trả số tiền lãi của số tiền chưa góp hụi trên.

[8] Xét lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện BD về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*

Căn cứ **khoản 2 Điều 26** của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận toàn bộ, nên bà T phải chịu án phí theo quy định, số tiền án phí được tính như sau:

137.500.000 đồng x 5% = 6.875.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92 ; Điều 471 của Bộ luật dân sự ; Điều 13, 30 của Nghị định số 144/2006/ NĐ-CP ngày 27/11/2006 Nghị định về họ, húy, biểu, phường ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị TH tổng số tiền húy là 137.500.000 đồng (một trăm ba mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu là 6.875.000 đồng (sáu triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BT (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BD;
- Chi cục THADS huyện BD;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Loan

